

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1077*/LĐTĐBXH-TCGDNN
V/v đánh giá thực trạng và định hướng
mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Hà Nội, ngày *16* tháng *4* năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được giao xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Để có đủ cơ sở triển khai nhiệm vụ trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo đánh giá thực trạng và định hướng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý (*Mẫu đề cương báo cáo và bảng biểu kèm theo*).

Báo cáo của Quý Ủy ban gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Toà nhà Minori, 67A Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, bản điện tử gửi vào địa chỉ email: linhnh@molisa.gov.vn) *trước ngày 12/5/2021* để tổng hợp báo cáo các cấp có thẩm quyền.

Xin trân trọng cảm ơn./ *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để t/h);
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Chữ ký]
L. Tấn Dũng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ DỰ KIẾN
MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

*(Kèm theo Công văn số 1077 /LĐTBXH-TCGDNN ngày 16/4/2021
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Năm 2021

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Công văn số /LĐTBOXH-TCGDNN ngày tháng năm 2021
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH

1. Mục đích

Việc rà soát, đánh giá thực trạng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp là bước đầu tiên để lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đồng thời là cơ sở định hướng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn tới nhằm chuẩn bị các điều kiện để đào tạo nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động của ngành, cả nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

Dự kiến mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của địa phương phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Chiến lược, Quy hoạch phát triển nhân lực, Chiến lược phát triển giáo dục, Chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan;

- Phải căn cứ thực trạng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nghiên cứu, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của địa phương, vùng và cả nước theo từng thời kỳ;

- Đảm bảo tính khả thi và phù hợp với khả năng đầu tư của Nhà nước trong từng thời kỳ và mở rộng hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp.

- Đảm bảo quán triệt đầy đủ chủ trương của Đảng tại Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017.

3. Phạm vi và đối tượng

- Đánh giá thực trạng và định hướng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và 2050 thuộc phạm vi quản lý;

- Tập trung đánh giá và định hướng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề

nghiệp gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp (không bao gồm các cơ sở giáo dục nghề nghiệp an ninh, quân sự và sư phạm).

II. NỘI DUNG

Đánh giá theo 04 nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô tuyển sinh (cấp trình độ đào tạo, lĩnh vực đào tạo).
2. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp:
 - Theo loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm GDNN (công lập, tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài).
 - Theo cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp và dưới 03 tháng.
 - Theo vùng.
 - Theo lĩnh vực quản lý.
3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.
4. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ DỰ KIẾN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

PHẦN THỨ NHẤT
THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Nội dung đánh giá: Không bao gồm các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quân sự, an ninh và sư phạm)

I. THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 25, khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch; Điều 23, mục X Phụ lục II Nghị định 37/2019/NĐ-CP)

1. Tình hình xây dựng và ban hành các văn bản và quy hoạch có liên quan

2. Kết quả thực hiện các quy hoạch

2.1. Về phát triển và phân bổ mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Cơ cấu mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp: phân loại theo loại hình sở hữu (công lập, tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài); phân loại theo cơ quan quản lý (trung ương, địa phương, doanh nghiệp); phân theo loại hình (cao đẳng, trung cấp, trung tâm GDNN).

2.2. Về tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh theo tổng số, phân theo ngành, nghề đào tạo (phổ biến; nặng nhọc, độc hại; đặc thù...); loại theo trình độ đào tạo (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác).

2.3. Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

Phân tích, đánh giá về số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

2.4. Về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

2.5. Về quy hoạch ngành, nghề trọng điểm

2.6. Về quy hoạch trường chất lượng cao

2.7. Nguồn lực đầu tư thực hiện quy hoạch

- Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chương trình mục tiêu.

- Vốn ODA.

- Xã hội hoá.

- Các nguồn lực khác

2.8. Về các yếu tố bảo đảm hỗ trợ thực hiện quy hoạch

- Chương trình, giáo trình đào tạo, "chuẩn đầu ra".
- Kiểm soát chất lượng đào tạo.
- Gắn kết giữa GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động.
- Liên kết, liên thông đào tạo.
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN.
- Thanh tra, kiểm tra và giám sát.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung

- Đánh giá tính hợp lý và xác định các vấn đề mâu thuẫn, điểm xung đột trong bố trí mạng lưới cơ sở GDNN của thời kỳ quy hoạch trước.
- Xác định các điểm mạnh trong quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN.

...

2. Hạn chế

- Xác định các điểm yếu, bất cập trong quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN.

...

3. Nguyên nhân

- Khách quan
- Chủ quan

PHẦN THỨ HAI

DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN

I. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN

(Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 25, khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch; Điều 23, mục X Phụ lục II Nghị định 37/2019/NĐ-CP)

1. Tác động của sự chuyển dịch về địa chính trị, địa kinh tế toàn cầu.
2. Tác động của toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, các luồng đầu tư, thương mại, tài chính.
3. Tác động của khoa học công nghệ và cuộc cách mạng công nghiệp - công nghệ.
4. Tác động của các xu thế khác (đô thị hóa, già hoá dân số,...).
5. Nhu cầu nhân lực về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo.
6. Tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

...

II. KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN

(Căn cứ khoản 3 Điều 25, khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch; Điều 23, mục X Phụ lục II Nghị định 37/2019/NĐ-CP)

1. Phân tích lợi thế so sánh và cơ hội phát triển, khó khăn và thách thức đối với phát triển mạng lưới cơ sở GDNN.

2. Kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng các luận cứ, phương án phát triển mạng lưới cơ sở GDNN.

3. Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực GDNN; những cơ hội và thách thức đối với quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN

- Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong phạm vi cả nước.

- Đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ.

- Đánh giá về liên kết vùng, liên kết tỉnh trong phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố.

- Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của mạng lưới cơ sở GDNN.

- Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

PHẦN THỨ BA

DỰ KIẾN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

I. QUAN ĐIỂM

.....

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Thời kỳ 2021-2025.

2.2. Thời kỳ 2026-2030.

2.3. Định hướng đến 2045.

2.4. Định hướng đến năm 2050

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

(Căn cứ khoản 3 Điều 25, khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch; Điều 23, mục X Phụ lục II Nghị định 37/2019/NĐ-CP)

1. Định hướng phát triển cấu trúc mạng lưới cơ sở GDNN.
2. Định hướng phát triển các cơ sở GDNN theo ngành, nghề, trình độ đào tạo, loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp
3. Định hướng phân bổ cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
4. Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực (đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý...)
5. Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở GDNN và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

IV. DANH MỤC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN

(Căn cứ khoản 3 Điều 25, khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch; Điều 23, mục X Phụ lục II Nghị định 37/2019/NĐ-CP)

V. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

(Căn cứ khoản 3 Điều 25, khoản 5 Điều 57 Luật Quy hoạch; Điều 23, mục X Phụ lục II Nghị định 37/2019/NĐ-CP)

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách
2. Giải pháp về các điều kiện đảm bảo chất lượng
 - Giải pháp về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở GDNN.
 - Giải pháp về chương trình, giáo trình.
 - Giải pháp về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo
 - Giải pháp về kỹ năng nghề quốc gia.
 - Giải pháp về kiểm định và quản trị chất lượng GDNN.
3. Giải pháp về môi trường, khoa học công nghệ
 - Giải pháp về bảo vệ môi trường tại các lãnh thổ trọng điểm, đặc thù.
 - Giải pháp phát triển khoa học công nghệ tại các vùng, miền.
4. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển
5. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền
6. Giải pháp về hợp tác quốc tế
7. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư
8. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động
9. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Tính đến 31/12/2020)

TT	Tên cơ sở	Năm thành lập	Cơ quan chủ quản	Địa chỉ (Nơi đặt trụ sở chính)	Loại hình				
					Công lập		Tư thục	Có vốn đầu tư nước ngoài	Doanh nghiệp nhà nước
					Trung ương	Địa phương			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Cao đẳng								
1	Trường cao đẳng								
2	Trường cao đẳng								
3	Trường cao đẳng								
								
II	Trung cấp								
1	Trường Trung cấp								
2	Trường Trung cấp								
3	Trường Trung cấp								
								
III	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp								
1	Trung tâm.....								
2	Trung tâm.....								
3	Trung tâm.....								
								
IV	Các cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề nghiệp								
1	Cơ sở giáo dục đại học								
								
2	Doanh nghiệp								
								
3	Các cơ sở khác								
								

Ghi chú:

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm GDNN-GDTX.
- Các phân hiệu, địa điểm đào tạo của các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp ở các địa phương sẽ ghi vào các cơ sở khác (mục 3, IV)
- Không bao gồm các cơ sở GDNN quân sự, an ninh và sư phạm.
- Năm thành lập ghi theo năm quyết định thành lập đối với hình thức hoạt động hiện tại.

TT	Tên cơ sở	Năng lực đào tạo theo thiết kế				Kết quả tuyển sinh giai đoạn 2016-2020																			
		Trong đó:				Năm 2016				Năm 2017				Năm 2018				Năm 2019				Năm 2020			
		Tổng số	CD	TC	SC và dưới 3 tháng	Tổng số	CD	TC	SC và dưới 3 tháng	Tổng số	CD	TC	SC và dưới 3 tháng	Tổng số	CD	TC	SC và dưới 3 tháng	Tổng số	CD	TC	SC và dưới 3 tháng	Tổng số	CD	TC	SC và dưới 3 tháng
1-2-3-4	2	3	4	5-6-7-8	6	7	8	9-10-11-12	10	11	12	13-14-15-16	14	15	16	17-18-19-20	18	19	20	21-22-23-24	22	23	24		
A	B																								
2	Trung tâm.....																								
3	Trung tâm.....																								
																								
IV	Các cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề nghiệp																								
1	Cơ sở giáo dục đại học																								
																								
2	Doanh nghiệp																								
																								
3	Các cơ sở khác																								
																								

Ghi chú:

- Số học sinh, sinh viên tuyển mới của cơ sở giáo dục nghề nghiệp là số học sinh, sinh viên được đào tạo chính quy và thường xuyên thuộc các trình độ đào tạo của cơ sở GDNN. Đối với các số lượng học sinh, sinh viên liên kết đào tạo, đơn vị nào cấp bằng sẽ tính số lượng cho đơn vị đó.
- CD: Cao đẳng, gồm cao đẳng nghề và cao đẳng
- TC: Trung cấp, gồm trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp
- SC: Sơ cấp
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm GDNN-GDTX.
- Kết quả tuyển sinh của các phân hiệu, địa điểm đào tạo của các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp ở các địa phương sẽ ghi vào các cơ sở khác (mục 3, IV)

NHÀ GIÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Có mặt đến 31/12/2020)

Đơn vị tính: Người

TT	Tên cơ sở	Tổng số	Trong đó:																
			Trình độ đào tạo					Kỹ năng nghề				Nghệ vụ sư phạm				Ngoại ngữ (tiếng Anh)		Tin học	
			TS	ThS	Đại học	Cao đẳng	TCCN CNKT	Đạt chuẩn dạy thực hành trình độ:			Không đạt chuẩn	Đạt chuẩn dạy trình độ:			Không đạt chuẩn	Bậc 1, 2	Bậc 3 trở lên	Cơ bản	Nâng cao
								SC	TC	CD		SC	TC	CD					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	Trung ương																		
I	Cao đẳng																		
1	Trường cao đẳng																		
2	Trường cao đẳng																		
3	Trường cao đẳng																		
																		
II	Trung cấp																		
1	Trường Trung cấp																		
2	Trường Trung cấp																		
3	Trường Trung cấp																		
																		
III	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp																		
1	Trung tâm.....																		
2	Trung tâm.....																		
3	Trung tâm.....																		
																		
IV	Các cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề nghiệp																		
1	Doanh nghiệp																		
																		
2	Các cơ sở khác																		
																		
B	Địa phương																		
I	Cao đẳng																		
1	Trường cao đẳng																		

TT	Tên cơ sở	Tổng số	Trong đó:																
			Trình độ đào tạo					Kỹ năng nghề				Nghị vụ sư phạm				Ngoại ngữ (tiếng Anh)		Tin học	
			TS	ThS	Đại học	Cao đẳng	TCCN CNKT	Đạt chuẩn dạy thực hành trình độ:			Không đạt chuẩn	Đạt chuẩn dạy trình độ:			Không đạt chuẩn	Bậc 1, 2	Bậc 3 trở lên	Cơ bản	Nâng cao
								SC	TC	CD		SC	TC	CD					
2	Trường cao đẳng																		
3	Trường cao đẳng																		
																		
II	Trung cấp																		
1	Trường Trung cấp																		
2	Trường Trung cấp																		
3	Trường Trung cấp																		
																		
III	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp																		
1	Trung tâm.....																		
2	Trung tâm.....																		
3	Trung tâm.....																		
																		
IV	Các cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề nghiệp																		
1	Doanh nghiệp																		
																		
2	Các cơ sở khác																		
																		

Ghi chú:

- Chuẩn Nhà giáo theo quy định trong Thông tư 08/2017/TT-LĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
- Không thống kê nhà giáo thỉnh giảng.
- Bậc trình độ tiếng Anh theo quy định tại Khung Năng lực ngoại ngữ 06 bậc dùng chung cho Việt Nam.
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm GDNN-GDTX.
- Nhà giáo đang giảng dạy tại các phân hiệu, địa điểm đào tạo của các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp ở các địa phương sẽ ghi vào các cơ sở khác (mục 3, IV).
- TCCN, CNKT: Trung cấp chuyên nghiệp, Công nhân kỹ thuật.

...																			
2	Doanh nghiệp																			
...																			
3	Các cơ sở khác																			
...																			

Ghi chú:

- Cán bộ quản lý là những người có quyết định bổ nhiệm của cơ quan có thẩm quyền.
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm GDNN-GDTX.
- Cột 18: Ghi số lượng cán bộ, nhà giáo đã được cấp giấy chứng nhận quản lý nhà nước về GDNN.

LuatVietnam

CƠ SỞ VẬT CHẤT
(Tính đến 31/12/2021)

Stt	Tên cơ sở	Tổng diện tích đất (m2)	Trong đó																							
			Phòng học lý thuyết		Phòng chuẩn bị giảng dạy		Phòng Hội đồng		Phòng nghỉ nhà giáo		Xưởng/phòng thực hành, thí nghiệm		Thư viện		Hội trường		Nhà hiệu bộ		Ký túc xá		Nhà ăn (Bếp ăn)		Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao			
			Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (Xưởng/phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m2)	Tổng số (phòng/khu)	Diện tích (m2)		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
I	Cao đẳng																									
	Trường cao đẳng...																									
	Trường cao đẳng...																									
	Trường cao đẳng...																									
																									
II	Trung cấp																									
	Trường trung cấp...																									
	Trường trung cấp...																									
	Trường trung cấp...																									
																									
III	Trung tâm																									
	Trung tâm....																									
	Trung tâm																									
	Trung tâm																									
																									
IV	Cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề nghiệp																									
1	Cơ sở giáo dục đại học																									
																									
2	Doanh nghiệp																									
																									
3	Các cơ sở khác																									
																									

Ghi chú:

- Diện tích các phòng tính theo kích thước thông thủy.
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm GDNN-GDTX.

THIẾT BỊ ĐÀO TẠO THEO TỪNG NGÀNH, NGHỀ
(Tính đến 31/12/2020)

STT	Tên cơ sở/Ngành, nghề đào tạo	Mức độ đáp ứng so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu hiện hành (Đáp ứng/không đáp ứng)
I	Trường cao đẳng	
1	Trường cao đẳng	
a	Ngành, nghề đào tạo ...	
b	Ngành, nghề đào tạo ...	
2	Trường cao đẳng	
a	Ngành, nghề đào tạo ...	
b	Ngành, nghề đào tạo ...	
II	Trường trung cấp	
1	Trường trung cấp	
a	Ngành, nghề đào tạo ...	
b	Ngành, nghề đào tạo ...	
2	Trường trung cấp	
a	Ngành, nghề đào tạo ...	
b	Ngành, nghề đào tạo ...	

Ghi chú: Đối với những ngành, nghề Bộ LĐTBXH chưa ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu thì cơ sở tự đánh giá mức độ đáp ứng so với chương trình đào tạo.

Biểu số 07 - ĐP

DỰ KIẾN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Đơn vị: cơ sở

TT	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Năm 2030			Năm 2040			Năm 2045			Năm 2050						
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
			Công lập	Tư thực		Có vốn đầu tư nước ngoài	Công lập		Tư thực	Có vốn đầu tư nước ngoài		Công lập	Tư thực	Có vốn đầu tư nước ngoài			
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12
A	Trung ương																
1	Trường cao đẳng																
2	Trường trung cấp																
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp																
B	Địa phương																
1	Trường cao đẳng																
2	Trường trung cấp																
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp																

LuatVietnam

QUY MÔ TUYỂN SINH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THEO CÁC CẤP TRÌNH ĐỘ

Đơn vị tính: Người

TT	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Giai đoạn 2021-2030		Giai đoạn 2031-2040		Giai đoạn 2041-2045		Giai đoạn 2045-2050	
		Tổng số	Trong đó: Ngoài công lập	Tổng số	Trong đó: Ngoài công lập	Tổng số	Trong đó: Ngoài công lập	Tổng số	Trong đó: Ngoài công lập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	Trung ương								
I	Trường cao đẳng								
	Cao đẳng								
	Trung cấp								
	Sơ cấp								
	Các trình độ đào tạo khác (dưới 3 tháng)								
II	Trường trung cấp								
	Trung cấp								
	Sơ cấp								
	Các trình độ đào tạo khác (dưới 3 tháng)								
III	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp								
	Sơ cấp								
	Các trình độ đào tạo khác (dưới 3 tháng)								
B	Địa phương								
I	Trường cao đẳng								
	Cao đẳng								
	Trung cấp								
	Sơ cấp								
	Các trình độ đào tạo khác (dưới 3 tháng)								
II	Trường trung cấp								
	Trung cấp								
	Sơ cấp								
	Các trình độ đào tạo khác (dưới 3 tháng)								
III	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp								
	Sơ cấp								
	Các trình độ đào tạo khác (dưới 3 tháng)								

Ghi chú: Tuyển sinh ngoài công lập gồm tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài

DỰ KIẾN CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Tổng diện tích đất (m ²)	Trong đó																					
			Phòng học lý thuyết		Phòng chuẩn bị giảng dạy		Phòng Hội đồng		Phòng nghi nhà giáo		Xưởng/phòng thực hành, thí nghiệm		Thư viện		Hội trường		Nhà hiệu bộ		Ký túc xá		Nhà ăn (Bếp ăn)		Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao	
			Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (Xưởng/phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng)	Diện tích (m ²)	Tổng số (phòng/khu)	Diện tích (m ²)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
A	Trung ương																							
I	NĂM 2030																							
1	Trường cao đẳng																							
2	Trường trung cấp																							
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp																							
II	NĂM 2040																							
1	Trường cao đẳng																							
2	Trường trung cấp																							
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp																							
III	NĂM 2045																							
1	Trường cao đẳng																							
2	Trường trung cấp																							
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp																							
IV	NĂM 2050																							
1	Trường cao đẳng																							
2	Trường trung cấp																							
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp																							
B	Địa phương																							
I	NĂM 2030																							
1	Trường cao đẳng																							
2	Trường trung cấp																							

